TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 174/2022/DS-ST
Ngày: 18-8-2022
V/v "*Tranh chấp về thừa kế tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thúy Bắc;
2. Ông Đoàn Minh Tư.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Diễm My - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lệ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 85/2021/TLST - DS ngày 07 tháng 7 năm 2021 về việc "*Tranh chấp về thừa kế tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2022/QĐXXST-DS, ngày 28 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ông **Mai Thanh S**, sinh năm 1963; Nơi cư trú: ấp P L, xã H K T, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (chết năm 2022).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Sơn là:

1.1. Bà Trần Thị T, sinh năm 1964; Nơi cư trú: ấp P L, xã H K T, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

1.2. Bà Mai Lệ N, sinh năm 1985; Nơi cư trú: ấp T H, xã T T B, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

1.3. Bà Mai Phương D, sinh năm 1985;

1.4. Bà Mai Thảo Ngọc, sinh năm 1989;

1.5. Bà Mai Thúy Lan, sinh năm 1991;

1.6. Ông Mai Gia Bảo Vương Tùng, sinh năm 1999; Cùng nơi cư trú: ấp P L, xã H K T, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T, bà N, bà D, bà N, bà L, ông T là ông **Sử Văn N**, sinh năm 1954; Nơi cư trú: ấp T A, xã L T, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà **Mai Thị H1**, sinh năm 1965; Nơi cư trú: ấp P L, xã H K T, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1993; nơi cư trú: ấp C T, xã H T T, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Mai Thị E**, sinh năm 1949; Nơi cư trú: ấp V P, xã V T, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Có yêu cầu độc lập.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Mai Thị E là ông **Sử Văn N**, sinh năm 1954; Nơi cư trú: ấp T A, xã L T, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

3.2. Ông **Ngô Văn R**, sinh năm 1972; Nơi cư trú: ấp P L, xã H K T, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông R là ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1993; nơi cư trú: ấp C T, xã H K T, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

(Tất cả đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là ông Sử Văn N trình bày:

Bà Nguyễn Thị H chủ sử dụng phần đất có diện tích 3.851,1m^2 (trong đó có 300m^2 đất ở và 3.551,1m^2 đất nông nghiệp) thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp Phú Long, xã Hưng Khánh Trung B, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Đất được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Chợ Lách cấp quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H vào ngày 05/12/2012.

Bà H chết năm 2020, không để lại di chúc. Bà H có chồng là Mai Văn H (chết năm 1987). Bà H và ông H có tất cả 03 người con gồm Mai Thị E, Mai Thanh S, Mai Thị H1. Cha mẹ đẻ của bà H đều đã chết, bà H không có cha mẹ nuôi và con nuôi. Bà H chết để lại di sản là diện tích 3.851,1m^2 (trong đó có 300m^2 đất ở và 3.551,1m^2 đất nông nghiệp) thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 02. Nguồn gốc của phần đất này là do nhà nước cấp cho bà H từ thời xưa.

Phần đất 3.851,1m^2 hiện nay bà Mai Thị H1 trực tiếp quản lý, sử dụng; bà H1 sống cùng bà H khoảng hơn 20 năm nên bà H1 cùng bà H canh tác đất cho đến nay. Từ khi bà H chết là bà H1 là trực tiếp quản lý đất, và bà H1 cũng không cho ai vào đất canh tác. Mặt khác, do ông S có vợ con nên có ở nhà riêng gần với phần đất tranh chấp; còn bà E thì lấy chồng về xã Vĩnh Thành, có nhà đất và sinh sống ổn định tại Vĩnh Thành.

Khi bà H bệnh thì thực tế ông S, bà E cũng tới lui chăm sóc, lo thuốc men cho bà H cùng với bà H1, cùng lo hậu sự cho bà H.

Hiện nay ông S là chủ sử dụng phần đất có diện tích 5.843,8m^2 (trong đó có 300m^2 đất ở và 5.543,8m^2 đất nông nghiệp) thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại ấp Phú Long, xã Hưng Khánh Trung B, huyện Chợ Lách. Nguồn gốc phần đất này là trước đây cha mẹ của ông S là ông H và bà H thuê của người khác 10 công đất để canh tác, rồi sau này làm nhà nước giao luôn quyền sử dụng 10 công đất này cho ông H và bà H; lúc này ông H và bà H mới cho lại ông S khoảng 05 công đất nên ông S đăng ký làm thủ tục đứng tên QSDĐ thuộc thửa 23 như hiện nay. Theo ông S thì việc ông H, bà H cho ông S 05 công đất này là do lúc này ông H bệnh nặng thì ông S là người chăm sóc nên mới cho đất ông S (ông S không có chứng cứ gì chứng minh cho việc này). Ngoài cho đất ông S thì bà E cũng được bà H cho một phần đất diện tích 1.238,1m^2 thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ số 2 tại xã Hưng Khánh Trung B và giáp ranh với thửa 65 đang tranh chấp; còn bà Hạnh thì chưa được cho phần đất nào.

Việc bà H1 trình bày có di chúc là không đúng, thực tế không có di chúc nào, di chúc bà H1 cung cấp là không hợp lệ, bà H không biết chữ, mặc dù di chúc này có xác nhận của ông Nguyễn Văn H - Chủ tịch UBND xã Hưng Khánh Trung nhưng đó là di chúc không đúng quy định và trong gia đình cũng không ai biết về di chúc này. Phía nguyên đơn không đồng ý với Lời di chúc này, nguyên đơn

không đồng ý công nhận di chúc. Hơn nữa bà E không có giữ bản chính di chúc, bà E đã giao di chúc cho bà H1 lúc hòa giải tại UBND xã Hưng Khánh Trung B.

Thực tế giữa ông S và bà H1 có mâu thuẫn là do xuất phát từ việc mâu thuẫn với chồng bà H1 là ông R, cả gia đình bà H, ông S không ai chấp nhận ông R làm rể trong nhà. Hiện trạng phần đất tranh chấp nay không có thay đổi gì so với lúc thẩm định.

Do ông S đã chết vào đầu năm 2022 nên nay những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S và bà Mai Thị E yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần đất theo đo đạc thực tế diện tích 3.663,6m^2 thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ 02 tọa lạc tại ấp Phú Long, xã Hưng Khánh Trung B, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre thành 03 phần bằng nhau. Cụ thể:

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S yêu cầu được nhận phần diện tích 1.201,2m^2 thuộc thửa đất số 65 tách 2, tờ bản đồ 02 và hưởng cây trồng do bà H chết để lại. Phần diện tích này nếu có công trình hay cây trồng gì của bà H1 mà không thể di dời được thì nguyên đơn đồng ý bồi hoàn giá trị theo kết quả định giá cho bà Hạnh; còn tài sản nào di dời được thì bà H1 phải tự tháo dỡ di dời ra khỏi đất.

- Bà E yêu cầu được nhận phần diện tích 1.233,8m^2 thuộc thửa đất số 65 còn lại, tờ bản đồ 02 và hưởng cây trồng do bà H chết để lại. Phần diện tích này nếu có công trình hay cây trồng gì của bà Hạnh mà không thể di dời được thì bà E đồng ý bồi hoàn giá trị theo kết quả định giá cho bà H1; còn tài sản nào di dời được thì bà H1 phải tự tháo dỡ di dời ra khỏi đất. Riêng đối với ngôi nhà của bà H chết để lại và 300m^2 đất ở thì bà E yêu cầu chia đều làm 03 phần bằng nhau; bà E nhận nhà và đất ở; bà E sẽ hoàn lại giá trị đã định giá cho bà H1 và ông S. Riêng khu mộ trên đất thì giữ nguyên hiện trạng.

- Còn bà H1 nhận phần diện tích 1.228,6m^2 thuộc thửa đất số 65 tách 1, tờ bản đồ 02 và hưởng cây trồng do bà H chết để lại trên phần đất này.

Nếu phần diện tích theo đo đạc thực tế có chênh lệch thì sẽ hoàn lại giá trị đất cho bên còn thiếu diện tích.

Đối với phần cây trồng lâu năm trên đất mà trước đây tại đơn khởi kiện ông S trình bày bà H1 đã chặt đốn hết thì phía nguyên đơn xác định là không yêu cầu gì đối với các cây trồng này.

Đối với phần lối đi hiện trạng nằm trên thửa đất tranh chấp thì gia đình nguyên đơn, bà E và những hộ bên trong vẫn đi bình thường do đây là lối đi (lối mòn) từ xưa đến nay.

Nguyên đơn đồng ý với kết quả đo đạc, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản ngày 23/11/2021, không yêu cầu định giá lại. Hiện tại các loại cây trồng là tắc và ổi phía bà H1 đã cho bán một số nhưng nguyên đơn không yêu cầu thẩm định lại vì giá trị không lớn và không tranh chấp gì về cây trồng này.

Tại Văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Ngô Văn Rạng) là ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Bà Nguyễn Thị H chủ sử dụng phần đất có diện tích 3.851,1m^2 (trong đó có 300m^2 đất ở và 3.551,1m^2 đất nông nghiệp) thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp Phú Long, xã Hưng Khánh Trung B, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Đất được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Chợ Lách cấp quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H vào ngày 05/12/2012.

Bà Hai chết năm 2020, có để lại di chúc. Bà H có chồng là Mai Văn H (chết năm 1987). Bà H và ông H có tất cả 03 người con gồm Mai Thị E, Mai Thanh S, Mai Thị H1. Cha mẹ đẻ của bà H đều đã chết, bà H không có cha mẹ nuôi và con nuôi. Bà H chết để lại di sản là diện tích 3.851,1m^2 (trong đó có 300m^2 đất ở và 3.551,1m^2 đất nông nghiệp) thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 02. Nguồn gốc của phần đất này là do nhà nước cấp cho bà H từ thời xưa.

Vào năm 2000 thì bà H có lập Lời di chúc đề ngày 23/6/2000, có chứng thực của UBND xã Hưng Khánh Trung theo quy định, nội dung di chúc: "bà H có phần đất 3.436m^2; theo di chúc bà H để lại cho bà H1 phần đất 2.436m^2; còn lại 1.000m^2 bà H để hưởng già, khi nào bà H chết thì ai lo cho bà sẽ được hưởng phần 1.000m^2 này; các anh chị em của bà H1 thì bà Hai đã cho xong xuôi rồi". Như vậy qua Lời di chúc xác định bà H có ý nguyện cho bà H1 phần đất này và bà H1 là người chung sống cùng bà H, chăm lo cho bà H lúc tuổi già nên bà H1 được hưởng trọn 3.436m^2. Mặc dù di chúc ghi diện tích đất 3.436m^2 là có sự chênh lệch với diện tích đất hiện tại nhưng do lúc bà H lập di chúc là năm 2000 nên căn cứ vào giấy chứng nhận cấp năm 1997 là diện tích đất 3.436m^2 nay theo đo đạc chính quy thì diện tích có thay đổi nhưng việc này là do số liệu đo đạc và hiện trạng sử dụng đất của bà H.

Nội dung di chúc này hoàn toàn phù hợp với việc ông S và bà E đã được bà H cho phần đất khác, phù hợp với lời làm chứng của những người làm chứng trong di chúc. Còn về di chúc thì đã được ông Nguyễn Văn H - Chủ tịch UBND xã Hưng Khánh Trung xác nhận theo quy định. Hơn nữa bà E cũng biết về nội dung di chúc và là người giữ bản chính di chúc nên bà H4 yêu cầu bà E giao nộp bản chính di chúc, việc này được sự thừa nhận của bà E trong quá trình làm việc tại Toà án, mặc dù sau đó bà E thay đổi lời khai nhưng điều này chứng minh lời khai bà E trước và sau mâu thuẫn nhau và việc bà E cho rằng có giữ bản chính di chúc nhưng đã giao cho bà H1 thì phải có nghĩa vụ chứng minh việc này.

Ngoài ra việc ông S cho rằng có đến chăm sóc bà H là không có, ông S đã nhiều lần hâm dọa đòi chém bà H và bà H1, mặc dù bà i không có báo chính quyền địa phương nhưng có người làm chứng biết được việc này. Nguyên đơn trình bày do mâu thuẫn với ông R là không đúng, thực tế ông R đã sống cùng bà H hơn 20 năm, cùng với bà H1 chăm sóc bà H. Mâu thuẫn là do ông S đòi chém bà H mà ra.

Từ trước đến nay bà H1 và chồng là ông R là người sống chung với bà H nên đã canh tác đất, xây dựng công trình, trồng cây trên đất; bà H1 là người trực tiếp chăm sóc bà H lúc tuổi già và lo hậu sự cho bà H nên bà H yêu cầu Tòa án công nhận lời di chúc của bà H đã lập vào ngày 23/6/2000 về việc để lại cho bà H1 phần đất theo đo đạc thực tế diện tích 3.663,6m^2 thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ 02.

Đối với phần lối đi hiện trạng nằm trên thửa đất tranh chấp thì hiện nay gia đình nguyên đơn, bà E và những hộ bên trong vẫn đi bình thường, bà H1 vẫn để cho các hộ bên trong đi. Hiện trạng phần đất tranh chấp nay không có thay đổi gì so với lúc thẩm định.

Đối với kết quả đo đạc, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản ngày 23/11/2021 bà H1 đồng ý, không yêu cầu định giá lại. Phía bị đơn thừa nhận có bán một số trồng là tắc và ổi nhưng những cây này giá trị không lớn, cây có thể di dời được nên không yêu cầu thẩm định lại, trường hợp chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn thì bà H1 không yêu cầu bồi hoàn giá trị những cây này, mà sẽ tự di dời.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời công nhận bản di chúc do phía bà Mai Thị H1 giao nộp để bà H1 được toàn quyền sở hữu di sản của bà Nguyễn Thị H để lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Tranh chấp về thừa kế tài sản" được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 609, 610 của Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo giấy chứng tử bà Nguyễn Thị H chết ngày 24/01/2020; đến ngày 21/5/2021 nguyên đơn ông Mai Thanh S có đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu chia thừa kế là còn thời hiệu khởi kiện về thừa kế theo quy định tại Điều 623 của BLDS năm 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn:

[3.1] Về di sản thừa kế: bà Nguyễn Thị H và ông Mai Văn H là vợ chồng, ông H chết năm 1987, năm 1996 bà H kê khai đăng ký quyền sử dụng ruộng đất và sao đó được cấp QSDĐ vào năm 1997 cho hộ Nguyễn Thị H với diện tích 3.436m^2, tọa lạc tại ấp Phú Long, xã Hưng Khánh Trung, huyện Chợ Lách, đến năm 2000 thì được cấp lại do sai năm sinh. Năm 2012 thực hiện dự án Vlap nên thửa đất hộ bà Nguyễn Thị H được đo đạc chính quy và cấp đổi lại sổ mới cho cá nhân bà Nguyễn Thị H với diện tích là 3.851,1m^2, thửa 65, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp Phú Long, xã Hưng Khánh Trung B, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị H và ông Mai Văn H có tổng cộng 03 người con là Mai Thanh S, Mai Thị E và Mai Thị H1. Bà H chết vào năm 2020, sau đó nguyên đơn ông Mai Thanh S khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bà H để lại theo pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án ông Mai Thanh S chết vào ngày 26/01/2022 do đó người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông S tiếp tục yêu cầu khởi kiện. Ngày 03/3/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị E có đơn yêu cầu độc lập.

Phần di sản bà Nguyễn Thị H chết để lại ông S, bà E yêu cầu chia theo pháp luật được xét xét thẩm định và định giá gồm: Phần đất có tổng diện tích đo đạc thực tế là 3.663,6m^2, thửa 65, tờ bản đồ số 2.

[3.2] Ông Mai Thanh Sơ yêu cầu được nhận phần đất là thửa 65 tách 2, diện tích là 1.201,2m^2, trên phần đất này có 04 cây bưởi loại 4, 35 cây mít 01 năm tuổi, 04 cây dừa loại một, 80 cây tắc một năm tuổi, 03 cây măng cụt loại 4, 02 cây chôm chôm loại 2, 01 cây vú sữa loại 1, 100 cây ổi mới trồng, 04 cây dâu loại 2; 01 nhà củi cột bê tông cốt thép chôn chân, nền láng xi măng, lợp tole fibro xi măng. Tỷ lệ còn lại 50%; ngoài ra còn có 01 phần nhà khách, nhà bếp (ăn), sàn nước và hàng rào lưới b40 do phía bà H1 đang quản lý sử dụng. Đất có tứ cận: đông và tây giáp thửa 65 còn lại, nam giáp thửa 67, bắc giáp thửa 41.

[3.3] Bà Mai Thị E yêu cầu được nhận phần đất thuộc thửa 65 còn lại, diện tích 1.233,8m^2. Trên đất có 108 cây tắc 01 năm tuổi, 54 cây mít một năm tuổi, 09 cây chôm chôm loại 2, 02 cây dừa loại 1, 05 cây cam hai năm tuổi; công trình kiến trúc trên đất gồm nhà chính (nhà tình thương của bà Nguyễn Thị H), kết cấu khung thép, nền láng xi măng, vách tole tráng kẻm, không trần, mái lợp tole tráng kẻm. Tỷ lệ còn lại 60%; nhà phụ (do bà H1 xây) kết cấu bê tông cốt thép, tường xây gạch, nền láng xi măng, không trần. Tỷ lệ còn lại 80%; Nhà khách khung bê tông cốt thép, nền lót gạch tàu, không vách, mái lợp tole Fibro xi măng và tole tráng kẻm, không vách. Tỷ lệ còn lại 80%; Nhà ăn gồm nhà bếp và sàn nước, khung gỗ, nền lót gạch tàu và láng xi măng, mái lộp tole Fibro xi măng và tole tráng kẻm, không trần. Tỷ lệ còn lại 50%; Sân bê tông không cốt thép, tỷ lệ còn lại 80%; Nhà tắm bằng gỗ, nên láng xi măng, vách gỗ, lợp tole xi măng. Tỷ lệ còn lại 30%; Nhà nuôi dê, khung bê tông cốt thép cột chôn, mái lợp tole xi măng, bao lưới b40. Tỷ lệ còn lại 70%; Khu mộ, có 03 ngôi mộ, xây bằng gạch và ốp gạch; Nhà tiền chế che mộ, khung thép không vách, mái lộp tole tráng kẻm. Tỷ lệ còn lại 80%; Hàng rào lưới B40, trụ bê tông cốt thép, chôn chân. Tỷ lệ còn lại 90%. Đất có tứ cận: đông - tây giáp thửa 65 còn lại, bắc giáp thửa 41, nam giáp thửa 67.

[3.4] Phần còn lại phía ông S và bà E yêu cầu bà Mai Thị H1 được nhận là thửa 65 tách 1, diện tích 1.228,6m^2. Trên đất có 120 cây tắc 01 năm tuổi, 04 cây măng cụt loại 4, 14 cây mít 01 năm tuổi, 04 cây dừa loại 1, 01 cây dâu loại 1, 02 cây chôm chôm loại 2. Đất có tứ cận đông giáp thửa 66, tây giáp thửa 65 còn lại, bắc giáp thửa 41, nam giáp thửa 67.

[3.5] Giá trị đất, cây trồng, công trình kiến trúc trên đất được xác định: đất ở nông thôn giá 450.000đ/1m^2 (OTN), đất nông nghiệp 350.000đ/1m^2, tổng giá trị cây trồng 61.050.000đ (trên thửa 65 tách 1 là 16.370.000đ, thửa 65 còn lại là 19.640.000đ, thửa 65 tách 2 là 25.040.000đ); giá trị công trình kiến trúc: nhà chính

là 11.5550.337đ, nhà phụ 26.419.200đ, nhà khách 13.300.560đ, nhà ăn 6.748.896đ, sân nền 1.080.160đ, nhà tắm 1.328.000đ, chuồng dê 7.278.768đ, khu mộ 50.973.000đ, nhà tiền chế che mộ 3.503.062đ, hàng rào lưới B40 30.520.800đ, nhà củi 1.691.872đ.

Phía bị đơn bà Mai Thị H1 không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vì cho rằng bà Nguyễn Thị H trước khi chết có để lại di chúc và nội dung di chúc để lại toàn bộ cho bà H1, di chúc này đã cung cấp cho Tòa án (bản sao chụp).

[3.6] HĐXX nhận thấy phần di sản bà H chết để lại là quyền sử dụng đất cùng cây trồng và công trình kiến trúc trên đất (trong đó có phần cây trồng, công trình kiến trúc của bà Hạnh tạo lập sau này), do ông H chết năm 1987, năm 1996 bà H kê khai và được cấp quyền sử dụng đất, sau đó được cấp đổi lại vào năm 2012 cho cá nhân bà H nên xem đây là toàn bộ di sản của bà Nguyễn Thị H để lại. Phía ông S và bà E yêu cầu chia theo pháp luật đối với toàn bộ di sản này, vì di chúc mà phía bà H cung cấp và yêu cầu chia theo di chúc là không phù hợp.

Nhận thấy chứng cứ mà phía bị đơn Mai Thị H cung cấp cho Tòa án là "Lời di chúc" được lập vào ngày 16/6/2000 và được UBND xã chứng xác nhận vào ngày 16/11/2000. Nội dung di chúc bà H có phần đất diện tích 3.436m^2, chia cho bà Mai Thị H1 2.436m^2, phần còn lại 1.000m^2 khi nào qua đời ai lo cho bà H thì sẽ được hưởng, ngoài ra bà H cũng nêu trong di chúc là đã cho các anh chị bà H1 rồi. Lời di chúc này được bà H lập và có nhiều người làm chứng, đại diện tổ nhân dân tự quản, trưởng ấp và UBND xã ký xác nhận. Tuy nhiên, khi giao nộp chứng cứ phía bà H1 chỉ giao nộp bản sao chụp mà không có bản gốc vì cho rằng không giữ bản chính mà do bà Mai Thị E giữ bản chính, Tòa án cũng đã yêu cầu bà E giao nộp nhưng bà cho rằng không giữ di chúc này. Qua xác minh thì UBND xã Hưng Khánh Trung A và Hưng Khánh Trung B không có lưu giữ bản di chúc này.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 95 BLTTDS quy định "*Tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận*", nếu xét theo quy định này thì di chúc phía bà Hạnh cung cấp không được xem là chứng cứ. Tuy nhiên theo quy định tại Khoản 5 điều này thì " *Lời khai của đương sự, lời khai của người làm chứng được xem là chứng cứ nếu được ghi bằng văn bản,...*", đối chiếu với quy định này, xét thấy trong quá trình thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành xác minh làm việc với những người đã làm chứng và xác nhận

trong di chúc như các ông Nguyễn Á Ch (nguyên tổ trưởng tổ nhân dân tự quản), Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn Na, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn N (nguyên trưởng ấp), Nguyễn Văn H (nguyên chủ tịch UBND xã Hưng Khánh Trung) đều thừa nhận chữ ký cũng như nội dung bản di chúc mà phía bà H1 giao nộp là sự thật, nội dung di chúc là đúng với nội dung mà các ông đã chứng kiến và ký xác nhận. Ngoài ra vào ngày 11/8/2022 Tòa án tiến hành làm việc với bà Mai Thị E có sự chứng kiến của người nhà bà là Lê Quốc V thì bà E cũng thừa nhận nội dung di chúc là giống với lời bà H khi còn sống đã nói với bà E, bà cũng thừa nhận bà H1 từ nhỏ sống chung với bà H lo thờ cúng ông bà và lo cho bà H, mặc dù nội dung này sau đó bà em có thay đổi lời trình bày.

Từ những phân tích tên cho thấy mặc dù di chúc không phải là bản chính, nhưng qua xác minh, thu thập các chứng cứ thì tất cả đều thống nhất rằng ý chí và ý nguyện đích thực của người lập di chúc bà Nguyễn Thị H khi còn sống là quyết định để lại cho bà H1 phần dất với diện tích 2.436m^2, phần còn lại 1.000m^2 ai chăm sóc nuôi dưỡng bà sẽ được hưởng, qua xác minh cũng như sự thừa nhận của các đương sự rằng bà Hạnh là người sống chung với bà H chăm sóc bà, thờ cúng ông bà, và khi bà H chết thì bà H1 lo đám tang bà H nên bà H1 cũng là người được hưởng phần di sản này. Theo "Lời di chúc" bà Nguyễn Thị H sinh năm 1929 là phù hợp với giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho bà H vào ngày 27/9/2000 thì bà H sinh năm 1929. Đến năm 2012 bà H được cấp lại giấy CNQSDĐ và đều chỉnh năm sinh của bà H là 1926 nhưng vẫn là thửa đất nêu trên, nên có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị H sinh năm 1926 và 1929 là một người.

Do đó di chúc của bà H1 giao nộp là có cơ sở được chấp nhận. Tuy nhiên, phần đất đo đạc thực tế là 3.663.6m^2 có chênh lệch so với diện tích bà H nêu trong di chúc là 227,6m^2 (3.663,6m^2 - 3.436m^2), đối với phần này do không được định đoạt trong di chúc nên được chia theo pháp luật cho những người thừa kế của bà H, bởi vì khi cấp đổi sổ lại vào năm 2012 là có thay đổi diện tích nhưng bà H không thay đổi di chúc theo diện tích này nên giải quyết chia theo pháp luật là phù hợp. Nếu chia 03 kỷ phần của diện tích 227,6m^2 thì mỗi người sẽ được 75,87m^2, nhưng do diện tích này không đủ điều kiện để tách thửa nên phía bà H1 sẽ hoàn lại giá trị cho phía người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông S và hoàn giá trị cho bà E theo giá đã định là phù hợp. Giá trị đất nông nghiệp được xác định là 350.000đ/1m^2 nên giá trị bà H1 phải hoàn lại cho bà E và ông S mỗi người là 26.554.500đ (350.000đ

x 75,87m^2), nhưng bà E tự nguyện giao lại kỷ phần này cho ông S nên ông S được nhận tổng cộng là 53.109.000 đồng.

Từ những phân tích nhận định trên xét yêu cầu khởi kiện của phía ông Mai Thanh S và bà Mai Thị E chỉ được chấp nhận một phần.

Đối với phần diện tích phía gia đình ông S, bà E sử dụng làm lối đi có diện tích là 180,7m^2, phía bà Mai Thị H1 tự nguyện đồng ý để phần diện tích này làm lối đi chung nên ghi nhận.

[4] Chi phí tiến hành tố tụng phía ông Mai Thanh S và bà Mai Thị E phải chịu là 7.563.000 đồng ông S đã nộp xong, do đó bà Mai Thị E có nghĩa vụ hoàn lại cho ông S ½ chi phí này là 3.783.500 đồng.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà E là người cao tuổi nên được miễn án phí; bà Mai Thị H1 phải nộp là 49.775.000đ, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Mai Thanh S phải nộp là 1.328.000đ.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận yêu cầu của ông Mai Thanh S và Mai Thị E là phù hợp, tuy nhiên đối với phần diện tích đất có thừa so với di chúc nhưng vẫn chia theo di chúc là không phù hợp với nhận định của HĐXX nên chỉ chấp nhận một phần đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 649, 650, 651, 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 95, 147, 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 12, 26, 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người kế thừa quyền và nghĩa vụ ông Mai Thanh S, bà Mai Thị E đối với bà Mai Thị H1 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản" phần đất có diện tích 3.663,6m^2 thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp Phú Long, xã Hưng Khánh Trung B, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Cụ thể tuyên:

Bà Mai Thị H1 được trọn quyền sử dụng phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 3.663,6m^2 thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp Phú Long, xã Hưng Khánh Trung B, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Đất có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp thửa 66;

Phía Tây giáp thửa 42 và 43;

Phía Nam giáp thửa 67;

Phía Bắc giáp thửa 41 và 206.

(Có họa đồ kèm theo).

Bà Mai Thị H có quyền và nghĩa vụ đăng ký kê khai đứng tên quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên theo quy định pháp luật.

Ghi nhận bà Mai Thị H1 tự nguyện để lối đi có diện tích là 180,7m^2 (gồm thửa 65 còn lại là 107,6m^2, thửa 65 tách 1 là 39,9m^2, thửa 65 tách 2 là 33,2m^2) cho hộ ông Mai Thanh S và bà Mai Thị E sử dụng. Tuyên bố hạn chế quyền sử dụng đất đối với lối đi này của bà Mai Thị H1.

Buộc Mai Thị H1 phải có nghĩa vụ hoàn trả cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Mai Thanh S số tiền giá trị đất là 53.109.500 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL081349 cấp cho bà Nguyễn Thị H ngày 05/12/2012, diện tích 3.851,1m^2, thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp Phú Long, xã Hưng Khánh Trung B, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, để tiến hành thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Mai Thị H1 theo quy định.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Em là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Bà Mai Thị H1 phải nộp là 49.775.000 đồng.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Mai Thanh S phải nộp là 1.328.000 đồng.

3/. Về chi phí tố tụng: Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Mai Thanh S và bà Mai Thị E phải chịu là 7.563.000đ; phía ông S đã nộp xong, do đó bà Mai Thị E có nghĩa vụ hoàn lại cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Sơn ½ chi phí này là 3.783.500 đồng.

4/. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí Đức